

## **Buổi 7**

Alignment: căn chỉnh

Chiều ngang:

- **margin**: auto. Canh giữa cho những phần tử block. Lưu ý nó sẽ không hoạt động nếu width không được chỉ định hoặc chỉ định 100%
- **text-align**: center. Canh giữa đoạn text nằm trong thẻ
- position: absolute + left/right để canh left, right cho thẻ
- float: left hoặc right để canh left, right cho thẻ. Lưu ý cần phải clearfix nhằm tránh tác động xấu đến phần tử không muốn float

Chiều dọc:

- Sử dụng **padding**: dùng cho trường hợp height co giãn theo nội dung
- Sử dụng line-height: chỉ định line-height bằng với height của thẻ, dùng cho trường hợp 1 dòng text. Cần phải biết kích thước height trước
- Sử dụng **position và transform**: dùng cho 1 hoặc nhiều dòng text đều hiệu quả. Cần phải biết kích thước height trước (tuyệt đối hay tương đối)

Combinators: Xác định phần tử được định dạng bằng cách kết hợp các toán tử **space, >, +, ~**

- Khoảng trắng (space): con trực tiếp hoặc gián tiếp (hậu duệ) - descendant selector
- Dấu lớn hơn (>) : con trực tiếp – child selector
- Dấu cộng (+) : anh chị em liền kề - adjacent sibling selector
  - VD: p + h3 nghĩa là định dạng cho thẻ h3 nào nằm ngay sau thẻ p
- Dấu ngã (~): anh chị em chung – general sibling selector
  - VD: p ~ h4 nghĩa là định dạng cho tất cả thẻ h4 nào nằm sau thẻ p

Pseudo-class: Dùng để tạo hiệu ứng hoặc để xác định phần tử

Cú pháp <selector>: <pseudo-class>

Tạo hiệu ứng cho thẻ a: link, visited, hover, active

- link: liên kết chưa được click (viếng thăm) lần nào
- visited: liên kết đã được click (viếng thăm)
- **hover**: liên kết được hover (rê chuột vào liên kết)
- active: liên kết được chọn (khi click chuột trên liên kết – chuột trái được nhấn)

Lưu ý: thuộc tính hover có thể áp dụng cho các thẻ khác

Một số pseudo-class thường dùng: **first-child, first-of-type**, last-child, last-of-type, nth-last-child(n), nth-last-of-type(n), nth-child(n), nth-of-type(n). Còn một số pseudo-class nữa, các bạn tham khảo trên mạng thêm

Lưu ý: last giống first, chỉ khác là tính từ con cuối

Pseudo-element: chỉ định một phần của phần tử

Cú pháp <selector>: <pseudo-element>

Được dùng để:

- Định dạng ký tự, dòng đầu tiên của phần tử
- Thêm nội dung trước hoặc sau vào phần tử

Opacity (Độ mờ/độ trong suốt): có giá trị từ 0.0 đến 1.0 (mặc định). Giá trị càng nhỏ thì càng mờ

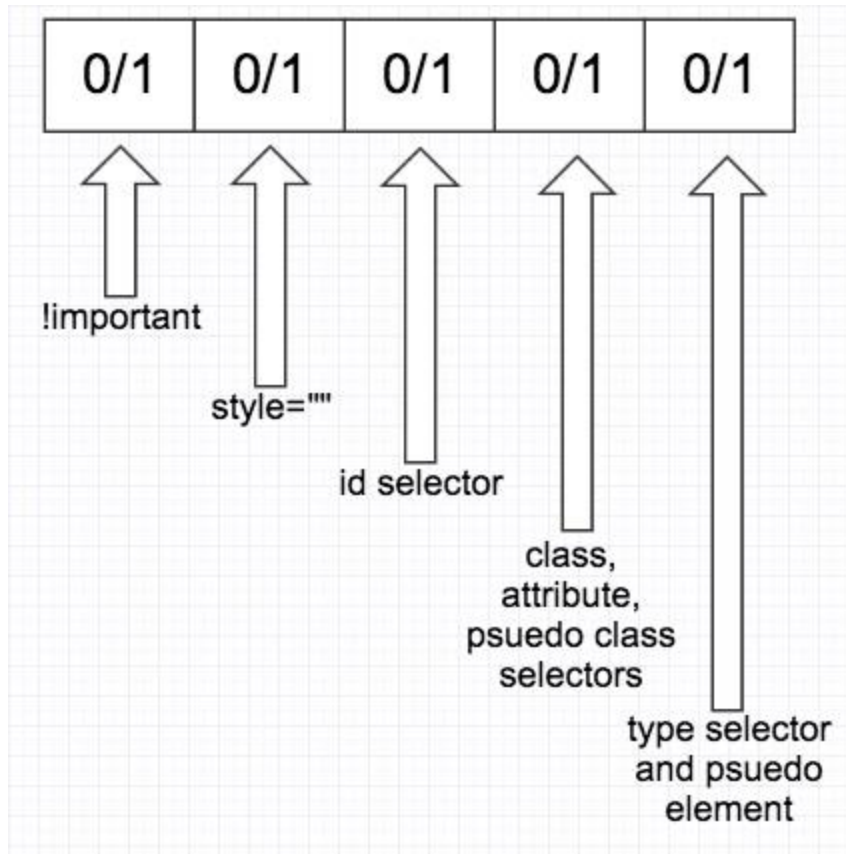
Icon: Thêm icon vào trang web

Đây là danh sách: <https://getbootstrap.com/docs/4.3/extend/icons/>

z-index: Thuộc tính z-index chỉ định thứ tự ngăn xếp của một phần tử.

Phần tử có giá trị z-index cao hơn sẽ nằm trên (trước) z-index thấp hơn. Z-index không hoạt động với position:static

Độ ưu tiên của selector



Cùng độ ưu tiên, cái viết sau sẽ đè cái viết trước

Khác độ ưu tiên, cái có độ ưu tiên cao hơn sẽ đè cái độ ưu tiên thấp hơn

```
/*00030*/  
.a .b .c  
{  
    color: green;  
}
```

```
/*00020*/  
.a .b  
{  
    color: red;  
}
```

\*, ~, >, +, [space] và :not(selector) có giá trị là 0

```
*           {} /* a=0 b=0 c=0 d=0 -> specificity = 0,0,0,0 */  
li          {} /* a=0 b=0 c=0 d=1 -> specificity = 0,0,0,1 */  
li:first-line {} /* a=0 b=0 c=0 d=2 -> specificity = 0,0,0,2 */  
ul li       {} /* a=0 b=0 c=0 d=2 -> specificity = 0,0,0,2 */  
ul ol+li    {} /* a=0 b=0 c=0 d=3 -> specificity = 0,0,0,3 */  
h1 + *[rel=up] {} /* a=0 b=0 c=1 d=1 -> specificity = 0,0,1,1 */  
ul ol li.red {} /* a=0 b=0 c=1 d=3 -> specificity = 0,0,1,3 */  
li.red.level {} /* a=0 b=0 c=2 d=1 -> specificity = 0,0,2,1 */
```

```
#x34y      {} /* a=0 b=1 c=0 d=0 -> specificity = 0,1,0,0 */  
style=""    /* a=1 b=0 c=0 d=0 -> specificity = 1,0,0,0 */
```

text-overflow: chỉ định việc nội dung bị tràn ra ngoài phần tử không được hiển thị thì nên có tín hiệu báo cho người dùng

thayloc.com